

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 18 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						327 309	142 377	184 932			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>97 976</u>	<u>12 352</u>	<u>85 624</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>12 635</i>	<i>12 352</i>	<i>283</i>			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500	4 487	13	18/07		
2							CỤC 4A.2	4 100	4 084	16	18/07		
3		ĐẠM NINH BÌNH	17/07	1094/07		NB 8519	CẨM 4A.1	3 005	2 948	57	18/07		MỐN:2,948,29
4		ĐT TM DV VINACOMIN	17/07	1095/07	31/07	BN 1386	CỤC XỎ 1C	1 030	832	198	ĐỔ	TD	THAY TBGT SỐ 1501/7 NGÀY 16/7/2025
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						85 341		85 341			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
9		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
10		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
11		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
13		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
14		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
16		KDT CẦU ĐUÔNG	15/07	945/05	31/07	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM 1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 18 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
30		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
31		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
32		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
33		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
34		DV VT QUẢNG NINH	14/07	1081/07	31/07	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
35		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CẨM 6A.14	5 000		5 000			
36		XD CN MỎ	18/07	1096/07	31/07	BN 2267							
37		KDT MIỀN BẮC		1020/06		STAR CITY	CẨM 5A.1	22 000		22 000		PTCB	TTCO: 22.000
		Tàu chuyển tải						175 490	104 059	71 431			
		Tàu đang làm hàng						126 190	104 059	22 131			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/07	1069-B		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	46 024	- 24	19/07		TTCO:26.460,45 - TTHG:19.563,3
2		ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN 1		1085/7		HẢI NAM 79	CẨM 6A.1	27 500	27 498	2	20/07		TTCO:22.444,89 - KVCP: 5.052,86
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/07	1 076		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.14	25 000	25 033	- 33	20/07		TTCO:10.000 - CLM:5.000 - KDTCP:6.000 -KVCP:4.000
4		ĐIỆN LỰC VĨNH TÂN 1	15/07	1086/7		PACIFICI 01	CẨM 6A.1	27 690	5 504	22 186	DỠ		TTHG:23.000 - KVCP:4.690
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						49 300		49 300			
2		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/07	1090/07		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	40 700		40 700			TTCO: 20.700 - TTHG:20.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						32 648	16 546	16 103			
		Tàu đã làm hàng						16 735	16 546	190			
1		HẢI PHÒNG	17/7	631B	31/7	BN - 2638	CẨM 7B	1 923	1 888	35	18/7	PT CB	
2		MIỀN BẮC	18/7	686	31/7	BN - 0959	CẨM 7C	1 260	1 257	3	18/7	PT CB	
3		CP VT&KD THAN	18/7	684	31/7	BN - 1883	CẨM 8A	1 280	1 275	5	18/7	TD	
4		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	18/7	696	31/7	BN - 2565	CẨM 8A	1 950	1 942	8	18/7	TD	
5		CP ĐTTM&DV	17/7	635	31/7	NB 8881	CẨM 8A	1 000	992	8	19/7		
7		Miền Bắc	19/7	709	31/7	BN 2189	Cẩm 7c	1 300	1 288	12	19/7		
8		Hải Phòng	19/7	712	31/7	QN 9379	Cẩm 7b	1 920	1 897	23	19/7		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 18 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		XNK than - vinacomin	19/7	716	31/7	VTT 09	CẨM 8A	3 000	2 973	27	20/7	PT CB	
10		CP VT THUỶ	18/7	663	31/7	BN - 1816	CỤC 1A	1 000	982	18	20/7	TD	
11		CP ĐTM&DV	18/7	685	31/7	BN - 1758	CỤC 1B	1 102	1 060	42	20/7	TD	
12		COALIMEX	19/7	708	31/7	BN - 1468	CẨM 8A	1 000	992	8	20/7	TD	
		Tàu đã làm lệnh						15 913		15 913			
1		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
3		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
4		CP ĐVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
5		CP ĐTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUÔNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	
8		CẦU ĐUÔNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
9		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
10		CP ĐTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
11		CP ĐTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
12		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
13		CP VT&KD THAN	16/7	607	31/7	BN - 1816	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
14		CP ĐVVT QNINH	18/7	654	31/7	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
15		CP HẢNG HẢI VN	18/7	687	31/7	BN - 1348	CỤC 1B	993		993		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN						-					
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						4 545	2 483	2 062			
		Tàu đã làm hàng						2 500	2 483	17			
1		VT & KDT VINACOMIN	16/7	603	31/7	BN 0679	Don 8a	1 000	991	9	19/07	TD	
2		DV VT QUẢNG NINH	18/7	668	31/7	BN 2115	Bùn 3c	1 500	1 492	8	21/07	TD	
		Tàu đã làm lệnh						2 045		2 045			
1		PACIFIC 01 (ĐIỆN VĨNH TÂN I)	18/7	52	28/7	SƠN HẢI 09	Cẩm 5a.1	2 045		2 045			
V		TÀU XUẤT KHẨU						6 650	-	6 650			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						6 650		6 650			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 18 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

|

